

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày: 18-5-2018.

"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Đào.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hiền.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/ST-DS ngày 02/02/2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/DS-QĐHPT ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1995.

ĐKHKTT và nơi cư trú: thôn CX, xã CB, huyện BG, tỉnh HD.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1988 (tên gọi khác: Vũ Tiến Đ)

ĐKHKTT và nơi cư trú: Đội 2, thôn PQ, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD.

Vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1968.

2. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1970.

Đều ĐKHKTT: thôn CX, xã CB, huyện BG, tỉnh HD. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Anh Trần Văn K, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: thôn CX, xã CB, huyện BG, tỉnh HD.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Vũ Thị M1, sinh năm 1990.

3. Anh Trần Văn O, sinh năm 1974.

Đều cư trú: thôn CX, xã CB, huyện BG, tỉnh HD.

Đều có mặt tại phiên tòa.

4. Ông Nguyễn Thế B1, sinh năm 1952.

Nơi cư trú: Tổ 14, khu 3, phường TC, thành phố HL, tỉnh QN.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Số 36/39 KTD, phường TB, thành phố HD, tỉnh HD.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy P trình bày: Chị và anh Vũ Văn Đ là chỗ quen biết và có tình cảm yêu nhau từ năm 2015. Trong quá trình quen biết và yêu nhau chị đã nhiều lần về nhà anh Đ chơi, thậm chí gia đình anh Đ đã cho người lớn sang nói chuyện về tình cảm của chị và anh Đ. Do vậy, chị hoàn toàn tin tưởng anh. Khoảng tháng 11/2017 anh đặt vấn đề muốn vay tiền chị để mua ô tô làm ăn kinh tế, chị đồng ý và chuyển cho anh ngay. Thực tế chị không có tiền, số tiền chị cho anh vay là tiền của bố mẹ chị để ở nhà cho chị quản lý, chị tự ý lấy cho anh Đ vay, bố mẹ chị không biết. Tổng số tiền chị cho anh Đ vay là 601.000.000đ. Chị chuyển cho anh làm nhiều đợt. Cụ thể như sau: Ngày 15/11/2017, chị giao trực tiếp cho anh Đ số tiền **60.000.000đ**. Ngày 16/11/2017 chị chuyển khoản cho anh Đ qua số tài khoản 46810001425021 (tài khoản mang tên Vũ Văn Đ), chị chuyển qua tài khoản tại Ngân hàng TMCP Vietcombank chi nhánh Phúc Điền số tiền **60.000.000đ**. Ngày 20/11/2017 chị chuyển khoản cho anh Đ qua số tài khoản 46810001425021 (tài khoản mang tên Vũ Văn Đ), chị chuyển qua tài khoản tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Thành Đông (địa chỉ phòng giao dịch Lai Cách) số tiền **10.000.000đ**. Ngày 23/11/2017 chị giao trực tiếp cho anh Đ số tiền **60.000.000đ** tại Công khu công nghiệp Tân Trường. Ngày 10/12/2017 chị chuyển vào tài khoản số 46810001425021 (tài khoản mang tên Vũ Văn Đ) với số tiền **100.000.000đ**. Ngày 12/12/2017 chị đưa cho anh Đ 03 cây vàng tại CB, BG (gần nhà chị) để anh Đ đi bán. Chị và anh Đ thống nhất 03 cây vàng có giá trị **108.000.000đ**. Anh Đ đi bán và cầm tiền luôn. Ngày 13/12/2017 chị chuyển vào tài khoản số 46810001425021 (tài khoản mang tên Vũ Văn Đ) với số tiền **2.000.000đ**, đến buổi chiều cùng ngày chị đã chuyển cho anh Đ số tiền **8.000.000đ** vào số tài khoản 46810001425021, chị chuyển tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Thái Học, Bình Giang. Ngày

14/12/2017 chị chuyển cho anh Đ số tiền **20.000.000đ** vào số tài khoản 46810001425021, chị chuyển tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Thành Đông tại Lai Cách. Ngày 18/12/2017 chị đã chuyển cho anh Đ số tiền **10.000.000đ** vào số tài khoản 46810001425021, chị chuyển tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Thành Đông tại Lai Cách. Ngày 20/12/2017 chị chuyển cho anh Đ số tiền **60.000.000đ** vào số tài khoản 46810001425021, chị chuyển tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Thành Đông tại Lai Cách. Ngày 22/12/2017 chị chuyển cho anh Đ số tiền **5.000.000đ** vào số tài khoản 46810001425021, chị chuyển tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Thành Đông tại Lai Cách. Ngày 23/12/2017 chị giao trực tiếp số tiền **8.000.000đ** tại nhà anh Đ ở thôn PQ, xã CD, huyện CG, tỉnh HD. Tiếp đến, ngày 24/12/2017 chị mang số tiền **90.000.000đ** đưa cho anh Đ tại nhà anh Đ ở CG. Khi cho vay ngoài những khoản tiền chuyển qua ngân hàng, chị chuyển trực tiếp cho anh chị không lập biên bản giao nhận tiền. Đến ngày 28/12/2017 anh chị chốt lại tổng số tiền anh vay của chị là 601.000.000đ và cùng nhau lập giấy mượn tiền. Trong giấy mượn tiền hai bên thỏa thuận anh Đ sẽ thanh toán hết số tiền trên cho chị vào ngày 30/01/2018, anh chị không thỏa thuận về lãi. Người viết giấy là anh Đ còn chị chỉ ký vào phần người cho mượn. Khi thiết lập giấy mượn tiền có người làm chứng là anh O, chị M1, anh K và anh B1. Đến thời hạn thanh toán tiền chị đã nhiều lần gặp cũng như gọi điện yêu cầu anh phải trả chị nhưng anh không trả. Do vậy, chị làm đơn khởi kiện anh đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, chị đề nghị Tòa án buộc anh phải thanh toán cho chị toàn bộ số tiền 601.000.000đ mà không yêu cầu trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Vũ Văn Đ đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lấy lời khai của những người thân trong gia đình anh Vũ Văn Đ (chị Vũ Thị N – chị gái anh Đ) đều khẳng định: Anh Vũ Văn Đ còn có tên gọi khác là Vũ Tiến Đ, tại thời điểm này anh Đ vẫn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại đội 2, thôn PQ, xã CD, huyện CG, tỉnh HD. Anh Đ đang đi điều trị bệnh tại Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội do anh bị ngộ độc chất ăn mòn. Do sức khỏe còn yếu nên anh chưa về nhà điều trị mà vẫn phải nằm viện. Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và giấy triệu tập anh Đ tham gia tố tụng tại Tòa, chị Nhân đã giao tận tay cho anh. Anh Đ đã biết sự việc chị P khởi kiện đòi anh số tiền 601.000.000đ nhưng anh không có ý kiến gì. Chị N cho biết: Anh Đ và chị P đã quen biết và yêu nhau được một thời gian, chị P cũng nhiều lần đến nhà chị chơi nên chị có biết mối quan hệ này. Tuy nhiên về số tiền chị P cho anh Đ vay, chị và gia đình đều không biết cho đến khi gia đình chị P gọi điện đòi nợ nhiều lần anh Đ, thậm chí còn gọi điện đe dọa chị với mục đích thúc giục anh Đ trả tiền chị P thì chị mới biết. Bản thân chị là chị gái nhưng đã đi lấy chồng

xa nhà, anh Đ có cuộc sống riêng của anh ấy nên việc anh Đ vay chị P tiền với mục đích làm gì, chị không biết. Gia đình chị vẫn khẳng định anh Đ vay nợ thì sẽ có trách nhiệm trả nhưng không phải thời điểm này bởi sức khỏe của anh rất yếu, chị P hãy suy nghĩ lại để anh Đ hồi phục rồi sẽ đưa ra phương án trả nợ. Đó là quan điểm cũng như nguyện vọng của cá nhân chị, nếu không được thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết, chị và gia đình không có ý kiến gì.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn B và chị Vũ Thị M (là bố mẹ đẻ chị P) trình bày: Chị Nguyễn Thị Thúy P là con gái anh chị, còn anh Vũ Văn Đ là bạn trai của chị P. Anh Đ, chị P quen biết và có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2015. Gia đình hai bên cũng đã qua lại nhà nhau. Hiện nay anh chị đang đi làm thuê ở Quảng Ninh nên mọi vấn đề kinh tế trong gia đình đều giao cho chị P ở nhà quản lý. Việc chị P cho anh Đ vay tiền bằng nguồn tiền của anh chị, anh chị không được biết. Thực tế khoản tiền 601.000.000đ chị P cho vay là khoản tiền anh chị tích góp nhiều năm và có đi vay của những người khác để lo cho con trai út đi lao động tại Nhật Bản. Chị P cho vay vào thời điểm nào anh chị không biết chỉ đến khi cần tiền anh chị hỏi thì mới biết chị P đã cho vay. Anh chị cũng đã gọi anh Đ xuống nói chuyện và anh Đ khẳng định có vay của chị P số tiền trên rồi tự nguyện viết giấy mượn tiền vào ngày 28/12/2017. Trong giấy mượn tiền anh Đ cam kết đến ngày 30/01/2018 sẽ thanh toán trả chị P toàn bộ số tiền trên. Việc anh Đ viết giấy có sự chứng kiến của vợ chồng anh chị và nhiều người làm chứng khác. Nay anh Đ không thanh toán được nợ, chị P khởi kiện ra Tòa án, anh chị hoàn toàn nhất trí. Anh chị xác định số tiền trên mặc dù là của anh chị nhưng anh chị đã giao cho chị P quản lý, chị P cho anh Đ vay, nay Tòa án cứ buộc anh Đ phải thanh toán tiền cho chị P, sau này chị P sẽ có trách nhiệm thanh toán trả anh chị. Anh chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án nhanh chóng để đảm bảo quyền lợi của gia đình anh chị.

Quan điểm của người làm chứng: Các anh chị không có mối quan hệ gì với anh Đ, chị P. Ngày 28/12/2017 các anh chị chứng kiến sự việc anh Đ và chị P thiết lập giấy mượn tiền với nhau, tại buổi hôm đó chị P không chuyển số tiền 601.000.000đ cho anh Đ mà anh Đ đã nhận trước đó rồi. Anh Đ tự nguyện viết giấy sau khi hai bên đã chốt số nợ cho nhau. Các anh chị cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai anh chị chịu trách nhiệm trước pháp luật, đồng thời các anh chị đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Vũ Văn Đ phải thanh toán cho chị số tiền 601.000.000đ. Chị không yêu cầu thanh toán lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật còn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng: Điều 463, 464, 465, 466, 470 BLDS; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy P. Buộc anh Vũ Văn Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho chị P số tiền 601.000.000đ. Về án phí: Anh Vũ Văn Đ phải chịu án phí dân sự theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn PQ, xã CD, huyện CG, tỉnh HD. Chị P có đơn khởi kiện anh Đ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ như triệu tập hợp lệ anh Đ, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS nhưng anh Đ đều vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, không có yêu cầu phản tố. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp của anh Đ được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

Anh Đ thiết lập hợp đồng vay tài sản khi đã ly thân với chị Lê Thị L (là vợ anh Đ), trong hợp đồng vay cũng không có chữ ký của chị L. Mặt khác, chị L xác định không liên quan đến khoản vay trên nên HĐXX xác định đây là khoản nợ riêng của anh Vũ Văn Đ.

[2]. Về nội dung:

+. Xét giá trị pháp lý của giấy mượn tiền giữa chị Nguyễn Thị Thúy P và anh Vũ Văn Đ được lập vào ngày 28/12/2017 thì thấy: Các đương sự cũng như những người làm chứng đều xác nhận ý chí của người giao kết là hoàn

toàn tự nguyện, các thỏa thuận về vay tài sản là tiền và hình thức của hợp đồng vay bằng văn bản hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự nên hợp đồng vay tài sản trên được xác định là hợp pháp.

Trong giấy vay tiền các bên thỏa thuận về thời hạn thanh toán nợ và không thỏa thuận về lãi nên thuộc trường hợp: Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự.

+. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của những người làm chứng về việc cho anh Đ vay số tiền 601.000.000đ, sau khi nhận tiền xong thì hai bên mới thiết lập giấy mượn tiền. Việc thiết lập giấy mượn tiền của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên có giá trị pháp lý. Mặc dù Tòa án không tiến hành lấy lời khai được của anh Đ nhưng HĐXX căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp như giấy mượn tiền (bản gốc), các hóa đơn chuyển tiền của chị P vào tài khoản của anh Đ tại Ngân hàng BIDV Thành Đông chi nhánh Lai Cách, Kết luận giám định số 03/KLGD ngày 29/3/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương (*Nội dung kết luận giám định thể hiện: Chữ ký và chữ viết Vũ Văn Đ trong giấy mượn tiền lập ngày 28/12/2017 so với chữ viết và chữ ký trong sổ đăng ký kết hôn và đơn đề nghị kiêm hợp đồng đăng ký thông tin khách hàng và dịch vụ tài khoản mang tên Vũ Văn Đ là do một người viết ra*) nên có đủ căn cứ để xác định: Việc anh Đ vay chị P số tiền 601.000.000đ và đến thời điểm này chưa thanh toán cho chị P là có thật. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì chị P đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp, đối với anh Đ đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thể hiện quan điểm của mình là đồng ý hay phản đối bằng văn bản gửi Tòa án. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Anh Đ vay chị P số tiền trên, đến hạn chưa thanh toán được cho chị theo thỏa thuận là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị được pháp luật bảo vệ nên yêu cầu khởi kiện của chị P có căn cứ được chấp nhận.

Do trong giấy vay mượn tiền các bên không thỏa thuận về lãi và nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc anh Vũ Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp sẽ được hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng: Điều 463, 464, 465, 466, 470; Điều 357 Bộ luật dân sự. Khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy P.

Buộc anh Vũ Văn Đ (tên gọi khác: Vũ Tiến Đ) phải có trách nhiệm hoàn trả chị Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm 1995. Nơi cư trú: thôn CX, xã CB, huyện BG, tỉnh HD số tiền 601.000.000đ (sáu trăm linh một triệu đồng).

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà anh Đ không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Anh Vũ Văn Đ (Vũ Tiến Đ) phải chịu 28.040.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Thúy P số tiền 14.000.000đ tiền tạm ứng án phí chị P theo biên lai thu số AB/2016/0001917 ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Thông báo cho chị P biết có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Hội thẩm nhân dân

(đã ký)

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Đào

